

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN PHÁT IMEXCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN PHÁT IMEXCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN PHAT IMEXCO JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TPIMEXCO., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110637338

3. Ngày thành lập: 04/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 38A, Ngõ 46 Quan Nhân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0343391314

Fax:

Email: thuanphat.imexco2024@gmail.com Website: com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4631
7.	Bán buôn thực phẩm (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4632
8.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4641
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Loại trừ hoạt động kinh doanh dược Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4649
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4659
11.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4663
12.	Trồng lúa (không trồng trọt tại trụ sở)	0111

13.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác (không trồng trọt tại trụ sở)	0112
14.	Trồng cây lấy củ có chất bột (không trồng trọt tại trụ sở)	0113
15.	Trồng cây mía (không trồng trọt tại trụ sở)	0114
16.	Trồng cây thuốc lá, thuốc Lào (không trồng trọt tại trụ sở)	0115
17.	Trồng cây lấy sợi (không trồng trọt tại trụ sở)	0116
18.	Trồng cây có hạt chứa dầu (không trồng trọt tại trụ sở)	0117
19.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (không trồng trọt tại trụ sở)	0118
20.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: - Trồng cây gia vị hàng năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu hàng năm (không trồng trọt tại trụ sở)	0119
21.	Trồng cây ăn quả (không trồng trọt tại trụ sở)	0121
22.	Trồng cây lấy quả chứa dầu (không trồng trọt tại trụ sở)	0122
23.	Trồng cây điều (không trồng trọt tại trụ sở)	0123
24.	Trồng cây hồ tiêu (không trồng trọt tại trụ sở)	0124
25.	Trồng cây cao su (không trồng trọt tại trụ sở)	0125
26.	Trồng cây cà phê (không trồng trọt tại trụ sở)	0126
27.	Trồng cây chè (không trồng trọt tại trụ sở)	0127
28.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Chi tiết: - Trồng cây gia vị lâu năm - Trồng cây dược liệu, hương liệu lâu năm (không trồng trọt tại trụ sở)	0128
29.	Trồng cây lâu năm khác (không trồng trọt tại trụ sở)	0129
30.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (không hoạt động tại trụ sở)	0131

31.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (không hoạt động tại trụ sở)	0132
32.	Chăn nuôi gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở)	0146
33.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp (không trồng trọt tại trụ sở)	0150
34.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt (Không bao gồm kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật) (không trồng trọt tại trụ sở)	0161
35.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (Không bao gồm kinh doanh dịch vụ thú y) (không trồng trọt tại trụ sở)	0162
36.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch (không hoạt động tại trụ sở)	0163
37.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (không hoạt động tại trụ sở)	0210
38.	Khai thác gỗ (không hoạt động tại trụ sở)	0220
39.	Khai thác thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0311
40.	Khai thác thủy sản nội địa (không hoạt động tại trụ sở)	0312
41.	Nuôi trồng thủy sản biển (không hoạt động tại trụ sở)	0321
42.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0322
43.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh - Kinh doanh nhượng quyền thương mại	8299(Chính)
45.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn du học	8560
46.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản	6810

47.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ kiến trúc	7110
48.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên Chi tiết: - Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học và kỹ thuật tự nhiên - Nghiên cứu và phát triển công nghệ sinh học, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ trong nông lâm nghiệp	7211
49.	Quảng cáo (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm)	7310
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Hoạt động trang trí nội thất	7410
51.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập Loại trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, hoạt động tư vấn chứng khoán)	7490
52.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô	7710
53.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm và hoạt động đấu giá)	4690
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : - Bán lẻ nấm các loại và nguyên liệu phục vụ nuôi nấm	4722
56.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (Loại trừ hóa chất nhà nước cấm) (Không hoạt động tại trụ sở chính)	0891
57.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (Không hoạt động tại trụ sở chính)	1010

58.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và bảo quản thủy sản khô - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản	1020
59.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở chính)	1030
60.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
61.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
62.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
63.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Không sản xuất tại trụ sở chính)	1080
64.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Không sản xuất tại trụ sở chính)	1101
65.	Sản xuất rượu vang (Không sản xuất tại trụ sở chính)	1102
66.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia (Không sản xuất tại trụ sở chính)	1103
67.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2011
68.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2012
69.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
70.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2100
71.	Sản xuất sản phẩm từ plastic (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2220
72.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
73.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2733
74.	Sản xuất đồ điện dân dụng (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2750
75.	Sản xuất thiết bị điện khác (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2790
76.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp (Không sản xuất tại trụ sở chính)	2821

77.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác	4933
78.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
79.	Bốc xếp hàng hóa	5224
80.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động vận tải hàng không)	5229
81.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
82.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
83.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (Không sản xuất tại trụ sở chính)	3100
84.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Không sản xuất tại trụ sở chính)	3290
85.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
86.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
87.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
88.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
89.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
90.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
91.	Xây dựng nhà để ở	4101
92.	Xây dựng nhà không để ở	4102
93.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
94.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
95.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
96.	Phá dỡ (Loại trừ hoạt động gây nổ bằng bom, mìn)	4311
97.	Chuẩn bị mặt bằng (Loại trừ hoạt động gây nổ bằng bom, mìn)	4312
98.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
99.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
100.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
101.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
102.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

103.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
104.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm bán lẻ súng, đạn loại đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem, kim khí và vàng miếng)	4773

6. Vốn điều lệ: 29.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.900.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRỊNH XUÂN HOÀNG	Căn 1803 Tháp A, Chung cư Helios, 75 Tam Trinh, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.334.000	13.340.000.000	46,000	038086000044	
			Tổng số	1.334.000	13.340.000.000	46,000		
2	NGUYỄN VĂN LUẬN	Khu phố Yên Nho, Phường Gia Đông, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	884.500	8.845.000.000	30,500	027081008900	
			Tổng số	884.500	8.845.000.000	30,500		
3	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Thôn Thanh Huy 2, Xã Phước An, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	681.500	6.815.000.000	23,500	037183009741	
			Tổng số	681.500	6.815.000.000	23,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

